TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 656/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 362/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1980; số Căn cước công dân: 079080014182 do Cục Trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH ngày 02/4/2021; địa chỉ thường trú: xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: xã T, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1984; số Căn cước: 083184000250 do Bộ Công an cấp ngày 21/11/2024; địa chỉ thường trú: xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2025, các đương sự thỏa thuận như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Chí H và bà Phạm Thị D thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Giao con chung trẻ Nguyễn Chí T, sinh ngày 18/4/2013 cho ông Nguyễn Chí H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Chí H không yêu cầu bà Phạm Thị D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Chí H và bà Phạm Thị D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông Nguyễn Chí H và bà Phạm Thị D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Chí H và bà Phạm Thị D cùng chịu lệ phí Tòa án.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Chí H và bà Phạm Thị D thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 218, quyển số 01/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/11/2009 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giao con chung trẻ Nguyễn Chí T, sinh ngày 18/4/2013 cho ông Nguyễn Chí H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Chí H không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phạm Thị D có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Chí H và bà Phạm Thị D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Chí H và bà Phạm Thị D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Nguyễn Chí H và bà Phạm Thị D chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số: 0020185 ngày 26/9/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (12).

THẨM PHÁN



Phạm Thị Tuyết